**3. Tên thủ tục hành chính: *Chứng thực hợp đồng bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất***

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện:** | **Bước 1**: Người yêu cầu chứng thực chuẩn bị hồ sơ và nộp hồ sơ tại trụ sở UBND xã.  Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận giải quyết.  Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc không hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hướng dẫn người yêu cầu chứng thực  **Bước 2**: Nhận kết quả tại UBND xã |
| **Cách thức thực hiện:** | Giải quyết tại UBND xã |
| **Thành phần,**  **số lượng hồ sơ:** | 1) Thành phần hồ sơ bao gồm:  a) Phiếu yêu cầu chứng thực (theo mẫu);  b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);  c) Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.  d) Dự thảo hợp đồng bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất (03 bản)  2) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| **Thời gian giải quyết:** | 03 ngày làm việc |
| **Đối tượng thực hiện:** | Cá nhân |
| **Cơ quan thực hiện:** | UBND cấp xã, phường, thị trấn |
| **Kết quả:** | Hợp đồng bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất đã được chứng thực |
| **Lệ phí:** | Lệ phí chứng thực hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất  Mức thu theo bảng dưới đây:  a. Dưới 20.000.000đ - 10.000đồng/trường hợp.  b. Từ 20.000.000 đến dưới 50.000.000đ - 20.000đồng/trường hợp.  c. Từ 50.000.000 đến dưới 100.000.000đ - 50.000đồng/trường hợp.  d. Từ 100.000.000 đến dưới 300.000.000đ - 100.000đồng/trường hợp.  đ. Từ 300.000.000 đến dưới 1.000.000.00đ - 200.000đồng/tr.hợp.  e. Từ 1.000.000.000 đến dưới 2.000.000.000đ - 500.000đồng/tr.hợp.  g. Từ 2.000.000.000 đến dưới 3.000.000.000đ - 1.000.000đồng/tr.hợp.  h. Từ 3.000.000.000 đến dưới 5.000.000.000đ - 1.500.000đồng/tr.hợp.  i. Từ trên 5.000.000.000đ trở lên - 2.000.000đồng/trường hợp. |
| **Tên mẫu đơn, tờ khai:** | Phiếu yêu cầu chứng thực ([[1]](#footnote-1)) |
| **Yêu cầu, điều kiện**  **thực hiện TTHC:** | Người yêu cầu chứng thực phải xuất trình bản gốc các giấy tờ: Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. |
| **Căn cứ pháp lý:** | *- Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ;*  *- Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ;*  *- Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT/BTC-BTP ngày 21/11/2001 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp;*  *- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường.* |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU YÊU CẦU CÔNG CHỨNG**

### HỢP ĐỒNG, VĂN BẢN

Kính gửi: Phòng Công chứng số ....................... tỉnh/thành phố ..............................................

Họ và tên người nộp phiếu:

Địa chỉ liên hệ: …...................……….........................................................................…………………............………......................................

Số điện thoại:

Email:

Số Fax:

Yêu cầu công chứng về:

Các giấy tờ nộp kèm theo Phiếu này gồm có:

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

*Thời gian nhận phiếu ................ giờ, ngày............./............/..............*

**NGƯ­­ỜI NHẬN PHIẾU NGƯỜI NỘP PHIẾU**

(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên)

1. () Sử dụng mẫu tờ khai tại TTHC số 2 [↑](#footnote-ref-1)